

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 8 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Ông Phạm Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 114/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số X, đường số X1, thôn X2, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Số Y, đường số Y1, thôn Y2, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số Y, đường số Y1, thôn Y2, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Vào ngày 09/11/2022, bà có cho bà Bùi Thị P vay số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Khi vay, bà P nói là số tiền mượn trên thì bà P lấy 100.000.000 đồng để trả cho khoản nợ mà lúc trước bà P

vay dùm cho con gái là Nguyễn Thị Thùy T1 và số tiền 100.000.000 đồng còn lại thì đưa cho con gái là Nguyễn Thị Thùy T1 sử dụng làm vốn làm ăn. Từ ngày vay tới nay, bà P chỉ trả cho bà được số tiền lãi là 9.400.000 đồng và còn nợ lại số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Do số tiền vay, bà P đưa cho con gái sử dụng chứ không phải sử dụng chung cho gia đình bà nên bà không yêu cầu chồng bà P là ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà P phải trả cho bà số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng sau khi đã căn trừ số tiền lãi đã trả.

* Quá trình tố tụng, bị đơn bà Bùi Thị P trình bày: Vào ngày 09/11/2022, bà có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Bà vay số tiền trên để đưa cho con gái là Nguyễn Thị Thùy T1 sử dụng. Từ ngày vay tới nay, bà chỉ trả được số tiền lãi là 9.400.000 đồng và còn nợ lại số tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Do số tiền vay, bà đưa cho con gái sử dụng chứ không phải sử dụng chung cho gia đình bà nên bà không yêu cầu chồng là ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Bà H yêu cầu bà phải trả cho bà H số tiền nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật sau khi đã căn trừ số tiền lãi đã trả thì bà đồng ý.

Tại phiên tòa, bị đơn bà P trình bày, bà không sử dụng số tiền vay, chỉ đứng ra ký giấy vay tiền dùm cho con gái là Nguyễn Thị Thùy T1 để cho con gái sử dụng số tiền vay kinh doanh mua bán đất. Bà đồng ý trả tiền nợ vay và nợ lãi theo quy định của pháp luật cho bà H.

* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Việc bà P vay tiền của bà H thì ông không biết và bà P cũng không sử dụng số tiền vay cho gia đình.

* Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 24/7/2023, bà Lưu Thị L trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng gì với bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị P. Bà Phạm Thị H là bạn thân của bà. Ông Trần Đình C là chồng của bà. Vào ngày 09/11/2022, bà có chứng kiến việc bà Phạm Thị H cho bà Bùi Thị P vay số tiền 200.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền trên là bà Phạm Thị H vay của bà để cho bà Bùi Thị P vay lại. Do bà không biết bà P nên không cho bà P vay mà để cho bà H vay, rồi bà H cho bà P vay lại.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia nên không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Kiểm sát viên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn cũng thừa nhận vào ngày 09/11/2022 có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng, bị đơn đã trả được 9.400.000 đồng tiền lãi.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 09/11/2022, Bà Phạm Thị H có cho bà Bùi Thị P vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng. Từ ngày vay tới nay, bà P đã trả được số tiền lãi là 9.400.000 đồng, còn nợ lại số tiền vay 200.000.000 đồng.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

[2.2.1] Về tiền nợ vay: Số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về tiền lãi: Căn cứ vào các giấy vay tiền xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn được xác định như sau:

Từ ngày 09/11/2022 đến ngày 23/8/2023 là 9 tháng 14 ngày x 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 31.429.000 đồng;

Tổng tiền lãi còn phải trả sau khi trừ số tiền lãi 9.400.000 đồng đã trả là 22.029.000 đồng.

[2.2.3] Tổng số tiền bà Bùi Thị P phải trả cho bà Phạm Thị H là 222.029.000 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 22.029.000 đồng).

[3] Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc bị đơn không sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình nên Hội đồng xét xử không buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp.

[4] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, **khoản 1 Điều 227**, khoản 1 Điều 232, Điều 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Bùi Thị P phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 222.029.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 22.029.000 đồng.

Kể từ ngày 24/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

Bà Bùi Thị P phải chịu 11.101.000 đồng (Mười một triệu một trăm lẻ một nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 5.180.000 đồng (Năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015101 ngày 26/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ *Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa